

Số: **50** /2012/NQ - HĐND

Hà Giang, ngày 14 tháng 7 năm 2012

NGHỊ QUYẾT

Về việc quy định mức chi đặc thù cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Hà Giang

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG
KHÓA XVI - KỲ HỌP THỨ NĂM**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số: 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số: 40/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư liên tịch số: 122/2011/TTLT-BTC-BTP ngày 17 tháng 8 năm 2011 của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Sau khi xem xét Tờ trình số: 68/TTr-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức chi đặc thù cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Hà Giang;

Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang đã thảo luận và nhất trí,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức chi đặc thù cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp ban hành trên địa bàn tỉnh Hà Giang, cụ thể như sau:

1. Đối tượng áp dụng:

- a) Sở Tư pháp;
- b) Tổ chức pháp chế các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- c) Phòng Tư pháp các huyện, thành phố;
- d) Các cơ quan, tổ chức được giao thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật theo yêu cầu, kế hoạch.

2. Mức chi: Có Phụ lục chi tiết kèm theo.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24 tháng 7 năm 2012.

Các nội dung khác có liên quan đến công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo Thông tư số: 122/2011/TTLT-BTC-BTP ngày 17 tháng 8 năm 2011 của Bộ Tài chính - Bộ Tư pháp.

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang khóa XVI - Kỳ họp thứ năm thông qua./. *Đạt*

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh Hà Giang;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- HĐND, UBND, UB MTTQVN các huyện, thành phố;
- Trung tâm Công báo - Tin học;
- T. Tâm Thông tin - VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH



Đạt
Đương Mí Vàng

PHỤ LỤC
Mức chi đặc thù cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa
văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Hà Giang

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 50 /2012/NQ- HĐND
ngày 14 tháng 7 năm 2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang)

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đồng)			Ghi chú
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	
1	2	3	4	5	6	7
1	Chi cho các thành viên tham gia họp, hội thảo, tọa đàm để trao đổi nghiệp vụ kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản; họp xử lý kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản theo yêu cầu, kế hoạch (bao gồm cả xử lý văn bản tại cơ quan được kiểm tra); họp bàn về kế hoạch kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản tại cơ quan kiểm tra.					
a	Chủ trì cuộc họp	Người/buổi	150	100	70	
b	Các thành viên tham dự	Người/buổi	100	80	50	
2	Chi lấy ý kiến chuyên gia đối với văn bản thuộc chuyên ngành, lĩnh vực chuyên môn phức tạp.	01 báo cáo/01 văn bản	500	400	300	
3	Chi hỗ trợ cán bộ, công chức làm công tác kiểm tra văn bản	01 văn bản	100	70	50	Áp dụng với văn bản khi phát hiện trái pháp luật
4	Chi thù lao cộng tác viên kiểm tra văn bản					
a	Mức chi chung	01 văn bản	100	50		
b	Đối với văn bản thuộc chuyên ngành, lĩnh vực chuyên môn phức tạp	01 văn bản	300	200		
5	Chi soạn thảo, viết báo cáo					
a	Báo cáo đánh giá về văn bản trái pháp luật	01 báo cáo	200	100		
b	Báo cáo kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản theo chuyên đề, địa bàn, theo ngành, lĩnh vực ở địa phương	01 báo cáo	800	600	500	
	Trường hợp phải thuê các chuyên gia bên ngoài cơ quan	01 báo cáo	1.200	1.000		

Đst

1	2	3	4	5	6	7
6	Chi công bố kết quả xử lý văn bản trái pháp luật, kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản trên các phương tiện thông tin đại chúng					Mức chi được thực hiện theo chứng từ chi hợp pháp.
7	Chi xây dựng hệ cơ sở dữ liệu phục vụ cho công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản					
a	Chi rà soát, xác định văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn đang có hiệu lực tại thời điểm kiểm tra văn bản để lập hệ cơ sở dữ liệu, làm cơ sở pháp lý phục vụ công tác kiểm tra văn bản; rà soát, hệ thống hóa văn bản theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 91/2006/NĐ-CP ngày 06/9/2006 của Chính phủ	01 văn bản	100	70	50	
b	Chi thu thập, phân loại, xử lý thông tin, tư liệu, tài liệu, dữ liệu, văn bản, trang bị sách, báo, tạp chí... phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật					
-	Đối với việc thu thập những thông tin, tư liệu, tài liệu, dữ liệu, sách báo, tạp chí					Được thực hiện theo chứng từ chi hợp pháp.
-	Đối với việc phân loại, xử lý thông tin, tư liệu, tài liệu, văn bản mà không có mức giá xác định sẵn.	01 tài liệu (01 văn bản)	70	50	30	Khoản chi này không áp dụng đối với việc thu thập các văn bản đã được cập nhật trong các hệ cơ sở dữ liệu điện tử của cơ quan, đơn vị hoặc đăng trên Công báo.
8	Chi cho các hoạt động in ấn, chuẩn bị tài liệu, thu thập các văn bản thuộc đối tượng kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản					Được thực hiện theo chứng từ chi hợp pháp.
9	Đối với các khoản chi khác: làm đêm, làm thêm giờ, chi phí in ấn, chuẩn bị tài liệu và văn phòng phẩm...					Căn cứ vào hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp theo quy định hiện hành và được cấp có thẩm quyền phê duyệt dự toán trước khi thực hiện làm căn cứ quyết toán kinh phí.

Dst